

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHOÁ - KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số:...../TTr-UBND, ngày...../...../2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số:...../BC-HĐND ngày...../...../2021 của Ban Kinh tế ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Chương trình hỗ trợ, phát triển khu vực kinh tế tập thể hướng đến phát triển cả chiều rộng và chiều sâu trong khu vực kinh tế tập thể, trong đó đặc biệt chú trọng đến nâng cao chất lượng hoạt động, hỗ trợ thành viên thông qua việc nâng cao nhận thức của toàn dân về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

b) Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025, toàn tỉnh có 80% số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, 50% số hộ nông dân tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác,

tạo việc làm cho hơn 15.000 lao động (theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 17/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk).

Trong giai đoạn 2021 – 2025, có ít nhất 10 mô hình HTX nông nghiệp điển hình tiên tiến phát triển theo hướng sản xuất đạt chứng nhận quốc tế, 65% số hợp tác xã nông nghiệp liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, 40% hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, sản xuất nông nghiệp hữu cơ và sản xuất lâm nghiệp bền vững. Hàng năm, xây dựng ít nhất từ 05 đến 07 mô hình HTX điển hình tiên tiến, mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi áp dụng:

Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 trên phạm vi toàn tỉnh, trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 của Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020, Luật Hợp tác xã năm 2012 và các quy định hiện hành khác.

b) Đối tượng áp dụng

- Hợp tác xã, bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là hợp tác xã) đáp ứng các tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định trong chương trình.

- Thành viên, sáng lập viên, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập và tham gia hợp tác xã.

- Cơ quan, cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Nội dung chương trình hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025

3.1. Hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã

Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành.

Ngân sách địa phương cân đối, bố trí thực hiện, định mức không quá 10 triệu/hợp tác xã thành lập mới; trường hợp hợp tác xã sáp nhập, hợp nhất, chia tách mức hỗ trợ bằng 50% kinh phí hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã ⁽¹⁾. Trường hợp Bộ Tài chính ban hành cơ chế tài chính mới giai đoạn 2021 – 2025 thì xem xét áp dụng theo định mức ban hành mới.

⁽¹⁾ theo quy định tại Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi thường nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

3.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT

- Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể các cấp; thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học xuống làm việc ở hợp tác xã có thời hạn để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

* Về công tác tuyên truyền

Ngân sách Trung ương và địa phương bố trí 100% kinh phí cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn dân về kinh tế tập thể, hợp tác xã (thực hiện lồng ghép trong các chương trình liên quan (nếu có)).

* Về đào tạo

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

+ Đối với công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

* Về bồi dưỡng

+ Đối với thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập, hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo); đối với các vùng khác: Hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

* Đối với lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể:

Ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

- Hằng năm, tỉnh tổ chức xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT, tổng hợp kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ theo quy định để triển khai các hoạt động liên quan.

3.3. Hỗ trợ tín dụng

- Tăng quy mô Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tình, mở rộng phạm vi và hoạt động; vừa thực hiện chức năng hỗ trợ ưu đãi từ nguồn ngân sách nhà nước, vừa đẩy mạnh tiếp cận các nguồn lực và cho vay, liên kết hệ thống với các Quỹ hỗ trợ Trung ương và các nguồn quỹ khác, khai thác tối đa nguồn lực từ thị trường để hỗ trợ phát triển HTX. Cần đảm bảo an toàn, tránh đổ vỡ khi thực hiện các nghiệp vụ mang nhiều rủi ro hoặc tạo cơ chế xin cho, nảy sinh tiêu cực.

- Ngân sách tỉnh bố trí bổ sung nguồn vốn cho Quỹ, đảm bảo vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ phát triển Hợp tác xã tại địa phương khi hoạt động theo quy định của Trung ương.

3.4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại quảng bá, giới thiệu sản phẩm; tạo sự liên kết, xây dựng mạng lưới gắn kết giữa nhà sản xuất với các đơn vị phân phối, bán lẻ, tạo cơ hội ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm hàng hóa, chuyển giao công nghệ, liên doanh, liên kết giữa các HTX, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm chủ lực và an toàn cho các HTX, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các HTX trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Hỗ trợ kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

+ Xây dựng một số điểm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm), hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể tại một số huyện trọng điểm.

+ Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Hàng năm, tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để hỗ trợ HTX xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, tham gia hội chợ triển lãm (lồng ghép trong chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh), bố trí một phần kinh phí thuê địa điểm, vận hành một số điểm giới thiệu sản phẩm khu vực kinh tế tập thể.

+ Đối với kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ hợp tác xã trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ xây dựng một số điểm xúc tiến thương mại của các tổ chức kinh tế tập thể, tổng hợp kinh phí đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện.

- Hàng năm, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh dành một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã để đổi mới ứng dụng công nghệ.

3.5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

- Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

- Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

- Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của hợp tác xã nông nghiệp trên sông.

- Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 80% đối với các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng công trình tại các thôn, buôn, bản đặc biệt khó khăn của các xã vùng I, vùng II và các xã đặc biệt khó khăn; ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% các xã, phường, thị trấn còn lại. Căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của hợp tác xã, vốn từ các nguồn hợp pháp khác và tính chất của dự án/phương án cấp chính quyền địa phương xem xét, quyết định tổng mức đầu tư hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn ngân sách nhà nước.

+ Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý, ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

+ Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

- Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.

- Cơ chế đầu tư:

+ Hợp tác xã căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi cấp chính quyền địa phương nơi hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh xem xét.

+ Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các hợp tác xã có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn; tổng hợp danh sách hạng mục công trình và hợp tác xã đề xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xem xét nhu cầu hỗ trợ của các địa phương, tập trung nguồn lực, hỗ trợ đúng đối tượng, đáp ứng nhu cầu thực tế của các HTX, Liên hiệp HTX cho phù hợp, đúng quy định; tổng hợp nhu cầu vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình, đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Hàng năm, đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ các hợp tác xã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và chế biến sản phẩm.

3.6. Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Xây dựng những mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả cao trong khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giúp các HTX vùng đồng bào DTTS dần tiếp cận với khoa học - kỹ thuật, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc nhằm bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, góp phần thực hiện hiệu quả Đề án Tổng thể phát triển phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

- Hỗ trợ vốn lưu động, hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, ứng dụng, đổi mới, nâng cao trình độ, công nghệ, khuyến công, khuyến nông, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với HTX vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, sửa đổi và triển khai chính sách phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển.

Hàng năm, tỉnh cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các nội dung hỗ trợ liên quan, lồng ghép trong kinh phí Đề án Tổng thể phát triển phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết:

Tổng kinh phí thực hiện : **66.050 triệu đồng**

Trong đó:

Kinh phí đề nghị trung ương hỗ trợ : 39.050 triệu đồng

Kinh phí do ngân sách địa phương cân đối : 27.000 triệu đồng

(đính kèm chi tiết các nội dung hỗ trợ tại phụ biểu số 1)

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các Kỳ họp.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ địa biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Lắc khoá IX kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư Pháp;
- Ban Công tác đại biểu;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng tỉnh uỷ, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Đắc Lắc, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP.HĐND.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ biểu kinh phí: Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2021 - 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chính sách	Dự kiến nguồn vốn thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2021 - 2025			Chia theo từng năm 2021 - 2025					
		Tổng vốn	Địa phương	TW	Tổng cộng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Chính sách thành lập mới HTX	2.000	2.000	0	2.000	400	400	400	400	400
	Thành lập mới HTX	2.000	2.000		2.000	400	400	400	400	400
II	Chính sách nâng cao năng lực khu vực KTTT	8.500	2.500	6.000	8.500	2.000	2.000	1.500	1.500	1.500
1	Đào tạo bồi dưỡng tập huấn cán bộ HTX	5.000		5.000	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
2	Thí điểm mô hình cán bộ trẻ về công tác tại HTX	1.000	1.000		1.000	200	200	200	200	200
3	Công tác tuyên truyền (bao gồm tài liệu phát hành)	2.500	1.500	1.000	2.500	800	800	300	300	300
III	Chính sách hỗ trợ tín dụng	12.000	12.000	0	12.000	10.000	1.000	1.000	0	0
4	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	12.000	12.000		12.000	10.000	1.000	1.000		
IV	Chính sách xúc tiến thương mại mở rộng thị trường	16.550	8.500	8.050	16.550	3.430	3.280	3.280	3.280	3.280
5	Hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ khuyến nông, khuyến công	4.000		4.000	4.000	800	800	800	800	800
6	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX gắn với chuỗi SX các SP nông lâm sản chủ lực của tỉnh	3.800	1.800	2.000	3.800	760	760	760	760	760

7	Hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, xây dựng nhãn hiệu thương hiệu hàng hóa và nhân rộng mô hình HTX điển hình	6.000	6.000		6.000	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200
8	Hỗ trợ xúc tiến thương mại	2.750	700	2.050	2.750	670	520	520	520	520
a	<i>Tổ chức xúc tiến thương mại</i>	1.800		1.800	1.800	400	350	350	350	350
b	<i>Xây dựng và vận hành hệ thống website về KTTT</i>	700	700		700	220	120	120	120	120
c	<i>chi phí ban đầu để tổ chức khu trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm</i>	250		250	250	50	50	50	50	50
V	Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm	25.000	0	25.000	25.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
9	Hỗ trợ HTX được ưu tiên tham gia chương trình mục tiêu, ctrình phát triển KTXH của địa phương (Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm)	25.000		25.000	25.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
VI	Chính sách hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2.000	2.000	0	2.000	400	400	400	400	400
10	Hỗ trợ HTX NN vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2.000	2.000		2.000	400	400	400	400	400
	Tổng kinh phí	66.050	27.000	39.050	66.050	21.230	12.080	11.580	10.580	10.580